

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 06-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Huân và bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 132/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/HSST-QĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đào Thị H, sinh năm 1985 tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: không; con ông Đào Xuân L, sinh năm 1963; con bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1965; chồng: Ngô Thế D, sinh năm 1976; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 73/2011/HS-ST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt Đào Thị H 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng. H đã chấp hành xong án phí, tiền phạt ngày 26/12/2011 và 16/01/2015.

Bị cáo đầu thú ngày 19/6/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Văn Q, sinh năm 1992 tại xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

đảng, đoàn thể: không; con ông Phạm Văn G, sinh năm 1966; con bà Trần Thị T, sinh năm 1970; vợ: Tạ Thị M, sinh năm 1992; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 19/6/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phạm Thị M1, sinh năm 1977 tại xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: không; con ông Phạm Văn A, sinh năm 1956; con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1957; chồng: Lê Đình Đ, sinh năm 1973; bị cáo có 01 con sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 183/2024/HS-PT ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã xử phạt Phạm Thị M1 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”,

Hiện bị cáo đang chấp hành bản án số 183/2014/HS-PT ngày 24/9/2024 tại Trại giam P1, Cục C5, Bộ C6, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Dương Thị D1, sinh năm 1976 tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: không; con ông Dương Văn C (đã chết); con bà Phạm Thị N (đã chết); chồng: Lại Hữu H1, sinh năm 1974; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 19/6/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn N1, sinh năm 1975 tại xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1947; con bà Trần Thị C1, sinh năm 1956 (đã chết); vợ: Trần Thị H2, sinh năm 1977; bị cáo có 02, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 19/6/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Trần Thị P, sinh năm 1997 tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Văn H3, sinh năm 1969; con bà Phạm

Thị D2, sinh năm 1964; chồng: Đỗ Văn H4, sinh năm 1989 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 19/6/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976 tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn N2 (đã chết); con bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1940; chồng: Đỗ Văn H5, sinh năm 1975; bị cáo có 01 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 19/6/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1976 tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1932 (đã chết); con bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1934 (đã chết); chồng: Trần Văn Q2, sinh năm 1971; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 19/6/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Dương Văn H6, sinh năm 1988 tại xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: không; con ông Dương Văn T4, sinh năm 1966; con bà Tăng Thị L2, sinh năm 1968; vợ: Phan Thị C4, sinh năm 1989; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: + Tại Bản án số 57/2015/HSST ngày 04/9/2015, của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã xử phạt Dương Văn H6 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. H6 đã chấp hành xong tiền phạt, án phí ngày 15/12/2015.

+ Tại Bản án số 22/2017/HSST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã xử phạt Dương Văn H6 04 tháng tù, về tội “Đánh bạc”. H6 đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2017, án phí, tiền phạt ngày 19/6/2018.

+ Tại Bản án số 111/2020/HS PT ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Dương Văn H6 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”. H6 đã chấp hành xong

hình phạt tù ngày 01/10/2021, án phí tiền phạt ngày 04/01/2021 .

Bị cáo đầu thú ngày 25/9/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Nguyễn Ngọc G1, sinh năm 1985 tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn Q3, sinh năm 1964; con bà Phạm Thị T5, sinh năm 1966; vợ: Nguyễn Thị N3, sinh năm 1989; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 15/11/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Nguyễn Văn H7, sinh năm 1985 tại xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn H8, sinh năm 1961 (đã chết); con bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1961; vợ: Đặng Thị H9, sinh năm 1985; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 19/6/2024, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Ngô Thế D, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/03/2024, bị cáo Phạm Thị M1 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện L bắt quả tang về hành vi đánh bạc tại thôn T, xã X, huyện L. Qua kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, lắp sim số 0342.884.599 của M1 phát hiện 02 (hai) video và 01 ảnh liên quan đến hành vi đánh bạc. Qua đấu tranh Phạm Thị M1 khai nhận video và hình ảnh trên là vụ việc ngày 28/03/2024 tại phòng ngủ tầng 02 của gia đình Đào Thị H, M1 cùng với Đào Thị H, Trần Thị P, Dương Thị D1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Ngọc G1, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H7, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị T2, Dương Văn H6, và Nguyễn Thị Thúy H10 có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền.

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành sao lưu 02 video và 01 ảnh liên quan đến hành vi đánh bạc từ điện thoại thu giữ của M1 lưu vào 01 đĩa DVD-R, màu vàng. Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện L chuyển 01 (một) đĩa DVD-R, màu vàng và 01 ảnh cho Cơ quan CSĐT Công an huyện L để giải quyết theo thẩm

quyền.

Ngày 19/6/2024, 25/9/2024 và ngày 15/11/2024 lần lượt Đào Thị H, Trần Thị P, Dương Thị D1, Nguyễn Thị Q1, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H7, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Ngọc G1 và Dương Văn H6 đến Công an huyện L đầu thú và khai nhận hành vi đánh bạc nêu trên.

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành trưng cầu giám định hình ảnh trong file video có bị cắt ghép, trích xuất hình ảnh và xác định nội dung, dịch ra văn bản. Tại bản kết luận giám định số 1267/KL-KTHS ngày 12/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các file video gửi giám định sau: File video có tên “5315986197634 (1).mp4”; dung lượng: 3.44Mb; thời lượng: 00 phút 14 giây; File video có tên “5315986449693.mp4”; dung lượng: 8,19Mb; thời lượng: 00 phút 34 giây.

Trích xuất được 08 (tám) hình ảnh thể hiện diễn biến sự việc trong file video gửi giám định.

Nội dung cuộc hội thoại trong file video có tên 5315986197634 (1).mp4”; dung lượng: 3.44Mb; thời lượng: 00 phút 14 giây; video có tên “5315986449693.mp4”; dung lượng: 8,19Mb; thời lượng: 00 phút 34 giây được dịch ra thành văn bản (kèm theo kết luận).

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành xác định hiện trường nơi các đối tượng đánh bạc ngày 28/03/2024. Kết quả xác định tại phòng ngủ tầng 02 của gia đình Đào Thị H và thu giữ: 01 (một) thảm nỉ màu nâu, kích thước (2x1,72)m, trên bề mặt có thêu hoa văn nhiều màu sắc.

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành cho các bị cáo xem video, nhận dạng ảnh các đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà Đào Thị H vào ngày 28/03/2024. Kết quả bị can Đào Thị H, Trần Thị P, Nguyễn Thị Q1, Dương Thị D1, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn N1, Phạm Thị M1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn H7, Nguyễn Ngọc G1, Dương Văn H6 xác nhận nội dung video là đúng và nhận dạng được mình và những người tham gia đánh bạc cùng.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận như sau: Chiều ngày 28/03/2024, Đào Thị H cùng chồng là Ngô Thế D tổ chức sinh nhật cho con tại nhà ở TDP P, thị trấn Đ, huyện L và có mời Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H7, Trần Thị P, Dương Văn H6, Nguyễn Thị Thúy H10, Phạm Thị M1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị T2 đến nhà ăn cơm, uống rượu. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm xong mọi người ra sân uống nước. Khoảng 30 phút sau thì mọi người rủ nhau lên tầng 2 nhà H đánh bạc, H mang bộ bài tú lơ khơ lên rồi cùng T2, H6, P, H10, M1 bắt đầu đánh bạc, hình thức đánh ba cây bằng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, sát phạt nhau bằng tiền.

Hình thức đánh bạc và cách tính thắng thua: Các đối tượng dùng bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài, bỏ đi các bộ quân lá bài 10, J, Q và K giữ lại bộ bài còn 36 quân để chơi. Bắt đầu đánh bài sẽ chọn ra một người cầm chương, tráo đều sau đó đặt bộ bài tú

lơ khơ xuống chiếu bạc để cho người kế tiếp bên phải hoặc người bị mất chương ở ván bạc trước bốc cái (bốc bài), để xác định sẽ chia bài từ vị trí người chơi nào. Do bài có đến quân 9 nên chỉ có nhiều nhất 9 người chơi để khi bốc cái thì xác định được vị trí người chơi. Bốc bài xong thì người cầm chương đếm từ phải qua trái, từ vị trí người bốc bài đến vị trí đã đếm tương ứng với quân bài đã bốc. Khi đã xác định được vị trí chia bài thì người cầm chương bắt đầu cầm chỗ bài tú lơ khơ đang úp còn lại chia lần lượt từ vị trí người chơi được xác định từ quân bài đã bốc cái và chia bài cho người chơi, những người còn lại mỗi người sẽ là một cửa đặt tiền để chơi mỗi lần đặt cửa thấp nhất là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và cao hơn tùy thích nhưng phụ thuộc vào người cầm chương có nhận hay không. Mỗi người chơi sẽ được chia 03 (ba) quân bài để tính điểm nếu tổng điểm lớn hơn 10 điểm thì sẽ tính hàng đơn vị (20 được tính là 10 điểm), người thắng là người có điểm của bài cao hơn so với “Chương” và được chương trả thưởng bằng số tiền đã cược và ngược lại “Chương” lớn hơn ai thì ăn tiền người chơi đó. So sánh chất: Trường hợp điểm bằng nhau thì so bài theo chất thứ tự lần lượt: rô, cơ, tép, bích. So sánh giá trị: Trường hợp có cùng số điểm, có cùng chất cao giống nhau thì so sánh giá trị của lá bài lớn nhất trong bộ bài rô theo thứ tự: A, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2 và với chất cơ, tép, bích theo thứ tự: 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, A. Cướp “Chương”: Nếu trong ván chơi người chơi có điểm 10 và cao bài hơn “Chương”, bài người chơi khác, sẽ được làm “Chương” ở ván tiếp theo, hoặc bỏ “Chương” nhường cho người khác làm chương. Những người chơi ké cửa theo bài của người chơi trực tiếp thì cũng được tính điểm thắng thua bằng cách tính điểm của người mình ké cửa và so với chương theo quy ước trên.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn H7 lên ngồi đánh bạc ké cửa, sau đó H7 cũng vào tham gia đánh bạc cùng mọi người. Khoảng 10 phút sau, Nguyễn Văn N1, Phạm Văn Q lên vào tham gia đánh bạc cùng, lúc này M1 đứng dậy lên giường ngồi xem mọi người đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày có Dương Thị D1, Nguyễn Thị Q1, chị Nguyễn Thị Y, chị Trần Thị H11 đến thì D1 vào tham gia đánh bạc cùng H, T2, H6, P, H10, N1, Q, còn Y, H11, Q1 ngồi ngoài xem. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì T2 thua hết tiền nên Q1 vào thay tham gia đánh bạc cùng mọi người. Đến khoảng 22 giờ 10 phút, Nguyễn Ngọc G1 lên ngồi xem các đối tượng đánh bạc, khoảng 10 phút sau thì Q1 nghỉ nên G1 vào tham gia đánh bạc cùng mọi người. Trong khi các đối tượng đánh bạc thì Phạm Thị M1 ngồi sau đánh ké cửa H10 và sử dụng chiếc điện thoại Iphone màu vàng số IMEI: 353116100581294 lắp sim số 0342884599 quay lại 02 đoạn video và chụp lại 01 ảnh các đối tượng đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì mọi người nghỉ và ra về. Ngày 29/03/2024, Phạm Thị M1 có hành vi đánh bạc tại thôn T, xã X, huyện L thì bị Công an huyện L bắt quả tang, thu giữ chiếc điện thoại và phát hiện vụ việc trên nên chuyển cho Cơ quan CSĐT Công an huyện L để xử lý theo thẩm quyền.

Về số tiền các đối tượng khai nhận dùng vào việc đánh bạc như sau:

- Phạm Văn Q khai trước khi tham gia đánh bạc có 10.000.000 đồng dùng đánh bạc. Khi nghỉ đang thắng bạc được 20.000.000 đồng, tổng số tiền Q dùng đánh bạc là 30.000.000 đồng, số tiền này Q đã chi tiêu hết và chưa giao nộp lại.

- Phạm Thị M1 khai trước khi tham gia đánh bạc có 6.000.000 đồng, M1 dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc và thắng bạc được 400.000 đồng, quá trình đánh bạc M1 cho H10 vay 6.000.000 đồng để đánh bạc (trong đó có 1.000.000 đồng M1 đã dùng đánh bạc). M1 tiếp tục dùng tiền thắng bạc để đánh bạc và thắng được 1.000.000 đồng thì nghỉ. Tổng số tiền M1 dùng đánh bạc là 2.000.000 đồng, số tiền này M1 đã chi tiêu hết và chưa giao nộp lại.

- Đào Thị H khai trước khi tham gia đánh bạc có 4.200.000 đồng dùng đánh bạc. Khi nghỉ đã thua hết.

- Trần Thị P khai trước khi tham gia đánh bạc có 1.600.000 đồng dùng đánh bạc. Khi nghỉ đã thua hết.

- Nguyễn Văn Nguyên khai trước khi tham gia đánh bạc có 2.000.000 đồng dùng đánh bạc. Khi nghỉ đã thua hết.

- Nguyễn Thị T2 khai trước khi tham gia đánh bạc có 1.000.000 đồng dùng đánh bạc. Khi nghỉ đã thua hết.

- Nguyễn Văn H7 khai trước khi tham gia đánh bạc có 400.000 đồng dùng đánh bạc. Khi nghỉ đã thua hết.

- Dương Thị D1 khai trước khi tham gia đánh bạc có 3.800.000 đồng dùng đánh bạc (trong đó D1 vay Y 2.800.000 đồng). Khi nghỉ đang thua số tiền 200.000 đồng, còn lại số tiền 3.600.000 đồng D1 đã trả tiền Y và chi tiêu hết, chưa giao nộp lại.

- Nguyễn Thị Q1 khai trước khi tham gia đánh bạc có 600.000 đồng dùng đánh bạc. Khi nghỉ đã thua hết.

- Nguyễn Ngọc G1 khai trước khi tham gia đánh bạc có 600.000 đồng dùng đánh bạc. Khi nghỉ đã thua hết.

- Dương Văn H6 khai trước khi tham gia đánh bạc có 600.000 đồng dùng đánh bạc. Khi nghỉ đã thua hết.

Tổng số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc xác định là 35.600.000 đồng.

Đối với bị can Nguyễn Thị Thúy H10 hiện đang vắng mặt tại địa phương, không xác định được bị can H10 đang ở đâu nên ngày 22/11/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi của Nguyễn Thị Thúy H10 để tiếp tục điều tra, khi nào bắt được thì sẽ xử lý sau.

Đối với chị Nguyễn Thị Y cho bị can Dương Thị D1 vay số tiền 2.800.000 đồng dùng đánh bạc. Quá trình điều tra xác định khi cho D1 vay tiền Y không biết D1 sử dụng vào mục đích phạm tội (vay trước lúc vào nhà H) nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Trần Thị H11, anh Ngô Thế D (là chồng H). Quá trình điều tra xác định H11 không giúp sức, không cho ai vay tiền, không tham gia đánh bạc; anh D không

biết, không tham gia đánh bạc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện L không đề cập xử lý.

Về vật chứng: Đối với 01 đĩa DVD-R, màu vàng (bên trong có video và 01 ảnh) được lưu trong hồ sơ vụ án; còn 01 (một) tấm nỉ màu nâu kích thước (2x1,72)m, trên bề mặt có thêu hoa văn nhiều màu sắc, Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại cơ quan điều tra, Đào Thị H, Phạm Văn Q, Phạm Thị M1, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Dương Văn H6, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 136/CT-VKS ngày 29/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố các bị cáo Đào Thị H, Phạm Văn Q, Phạm Thị M1, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Dương Văn H6, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, các bị cáo không bị oan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ *Áp dụng*: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đào Thị H từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Phạt bổ sung bị cáo H từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

+ *Áp dụng*: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn H6 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo H6 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

+ *Áp dụng*: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị M1 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “*Đánh bạc*” tại bản án số: 183/2024/HS-PT ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là từ 19 tháng đến 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024

đến ngày 13/6/2024 tại Bản án số 183/2024/HS-PT ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Phạt bổ sung bị cáo M1 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

+ *Áp dụng:* Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Q từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Dương Thị D1 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo D1 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo N1 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị P từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo P từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T2 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo T2 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Q1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Q1 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc G1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo G1 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H7 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo H7 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn H7 cho UBND xã C, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Đào Thị H, Dương Thị D1, Trần Thị P, Nguyễn Thị Q1 và Nguyễn Ngọc G1 cho UBND thị trấn Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ *Về vật chứng*: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) tấm nỉ màu nâu kích thước (2x1,72)m, trên bề mặt có thêu hoa văn nhiều màu sắc.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 30.000.000 đồng của bị cáo Q đã nộp theo biên lai số 0003223 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Truy thu số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Phạm Thị M1 và số tiền 3.600.000 đồng của bị cáo Dương Thị D1 để sung công quỹ Nhà nước.

+ *Về án phí*: Các bị cáo Đào Thị H, Phạm Văn Q, Phạm Thị M1, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Dương Văn H6, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 28/3/2024, tại phòng ngủ tầng 02 của gia đình Đào Thị H, sinh năm 1985 ở TDP P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Đào Thị H (là chủ nhà) lấy bộ bài tú lơ khơ và cùng các đối tượng Phạm Thị M1, Phạm Văn Q, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Dương Văn H6, Nguyễn Ngọc G1, Nguyễn Văn H7 có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây bằng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, sát phạt nhau bằng tiền. Quá trình đánh bạc Phạm Thị M1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, lắp sim số 0342.884.599 quay lại 02 (hai) video và chụp lại 01 ảnh các đối tượng đánh bạc. Đến ngày 29/03/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện L phát hiện và chuyển cho Cơ quan CSĐT Công an huyện L để giải quyết theo thẩm quyền. Tổng số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc là 35.600.000 đồng.

[3] Xét tính chất của vụ án: Vụ án này có mười một bị cáo có đủ năng lực hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng gây mất trật tự trị an tại địa phương, đây cũng chính là nguyên nhân có thể dẫn đến các loại tội phạm khác. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc 35.600.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo đánh bạc, khi thực hiện hành vi không có sự bàn bạc, không liên kết chặt chẽ, các bị cáo thực hiện hành vi mang tính chất đồng phạm giản đơn nên không có căn cứ xác định các bị cáo phạm tội có tổ chức. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, đối với các bị cáo cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm minh để đảm bảo tính giáo dục đối với các bị cáo và làm bài học ngăn ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 khi quyết định hình phạt.

[4] Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo:

Vai trò thứ nhất: Bị cáo Đào Thị H là chủ nhà, đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, bị cáo H là người đã chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ và bản thân bị cáo cũng trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu đến khi kết thúc với số tiền là 4.200.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn Q tham gia đánh bạc với số tiền là 10.000.000 đồng.

Vai trò thứ hai: Bị cáo Dương Thị D1 tham gia đánh bạc với số tiền là 3.800.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn N1 tham gia đánh bạc với số tiền là 2.000.000 đồng.

Vai trò thứ ba: Bị cáo Trần Thị P tham gia đánh bạc với số tiền là 1.600.000 đồng; bị cáo Phạm Thị M1 và bị cáo Nguyễn Thị T2 tham gia đánh bạc với số tiền là 1.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Q1 tham gia đánh bạc với số tiền là 600.000 đồng; bị cáo Dương Văn H6 tham gia đánh bạc với số tiền là 600.000 đồng; bị cáo Nguyễn Ngọc G1 tham gia đánh bạc với số tiền là 600.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn H7 tham gia đánh bạc với số tiền là 400.000 đồng.

[5] Về nhân thân:

+ Đối với bị cáo Đào Thị H: Tại bản án số 73/2011/HS-ST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt Đào Thị H 15 tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng. H đã chấp hành xong án phí, tiền phạt ngày 26/12/2011 và 16/01/2015.

+ Đối với bị cáo Phạm Thị M1: Tại bản án số 183/2014/HS-PT ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã xử phạt Phạm Thị M1 07 tháng tù về tội "Đánh bạc". Hiện bị cáo đang chấp hành bản án số 183/2014/HS-PT ngày 24/9/2024 tại Trại giam P1, Cục C5, Bộ C6.

+ Đối với bị cáo Dương Văn H6:

Tại Bản án số 57/2015/HSST ngày 04/9/2015, của Tòa án nhân dân huyện Lạng

Giang đã xử phạt Dương Văn H6 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. H6 đã chấp hành xong tiền phạt, án phí ngày 15/12/2015.

Tại Bản án số 22/2017/HSST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã xử phạt Dương Văn H6 04 tháng tù, về tội “Đánh bạc”. H6 đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2017, án phí, tiền phạt ngày 19/6/2018.

Tại Bản án số 111/2020/HS PT ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Dương Văn H6 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”. H6 đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/10/2021, án phí tiền phạt ngày 04/01/2021 .

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Các bị cáo Đào Thị H và Dương Văn H6 trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc bị phát hiện thì bị cáo H và bị cáo H6 đã đến cơ quan điều tra đầu thú. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H và bị cáo H6.

+ Các bị cáo Phạm Văn Q, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi sự việc bị phát hiện thì các bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú; bị cáo T2 có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị S1 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì do đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Phạm Văn Q đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng do bị cáo tham gia đánh bạc mà có vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam để sung công quỹ Nhà nước. Do vậy, cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

+ Bị cáo Phạm Thị M1 trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo M1.

[8] Bản thân các bị cáo Đào Thị H, Phạm Văn Q, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Đào Thị H, Phạm Văn Q, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo Đào Thị H, Phạm Văn Q, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để

giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của P2.

[9] Đối với đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam về mức hình phạt của bị cáo Phạm Thị M1 là từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, HĐXX thấy: Bị cáo M1 tham gia đánh bạc với số tiền là 1.000.000 đồng, quá trình đánh bạc bị cáo bị thua hết nên đã nghỉ chơi trước các bị cáo. Vì vậy, HĐXX thấy cần xử phạt bị cáo M1 với mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam về mức hình phạt của các bị cáo Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Ngọc G1, Dương Văn H6, Nguyễn Văn H7 là từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, HĐXX thấy: Các bị cáo Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 tham gia đánh bạc với số tiền thấp, các bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; sau khi sự việc bị phát hiện thì các bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú; bị cáo Dương Văn H6 tham gia đánh bạc với số tiền thấp, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; sau khi sự việc bị phát hiện thì bị cáo H6 đã đến cơ quan điều tra để đầu thú. Vì vậy, HĐXX thấy cần xử phạt các bị cáo Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Ngọc G1, Dương Văn H6, Nguyễn Văn H7 với mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù là hình phạt chính, cần phạt tiền các bị cáo Đào Thị H, Phạm Văn Q, Phạm Thị M1, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Dương Văn H6, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS để tước một phần kinh tế của các bị cáo thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo Nguyễn Thị T2 đang điều trị bệnh Ung thư cổ tử cung nên cần phạt tiền bị cáo T2 thấp hơn các bị cáo khác là phù hợp; bị cáo H là chủ nhà nên cần phạt tiền bị cáo H cao hơn các bị cáo khác là phù hợp; HĐXX xét thấy cần chấp nhận.

[10] Về vật chứng: Đối với số tiền 30.000.000 đồng của bị cáo Q đã nộp theo biên lai số 0003223 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, HĐXX xét thấy cần chấp nhận.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo M1 và số tiền 3.600.000 đồng của bị cáo D1 là do phạm tội mà có nên cần truy thu số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Phạm Thị M1 và số tiền 3.600.000 đồng của bị cáo Dương Thị D1 để sung công quỹ Nhà nước, HĐXX xét thấy cần chấp nhận.

Đối với 01 (một) tấm nỉ màu nâu kích thước (2x1,72)m, trên bề mặt có thêu hoa văn nhiều màu sắc là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam).

[11] Về án phí: Các bị cáo Đào Thị H, Phạm Văn Q, Phạm Thị M1, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Dương Văn H6, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Áp dụng:* Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đào Thị H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo H 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2. *Áp dụng:* Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị M1 09 (chín) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “*Đánh bạc*” tại bản án số: 183/2024/HS-PT ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024 đến ngày 13/6/2024 tại Bản án số 183/2024/HS-PT ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Phạt bổ sung bị cáo M1 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

3. *Áp dụng:* Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn H6 08 (tám) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo H6 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

4. *Áp dụng:* Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Q 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Dương Thị D1 01 (một) năm tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo D1 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N1 09 (chín) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo N1 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị P 08 (tám) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo P 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T2 08 (tám) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo T2 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Q1 08 (tám) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Q1 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc G1 08 (tám) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo G1 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H7 08 (tám) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo H7 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn H7 cho UBND xã C, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Đào Thị H, Dương Thị D1, Trần Thị P, Nguyễn Thị Q1 và Nguyễn Ngọc G1 cho UBND thị trấn Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

5. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) tấm nỉ màu nâu kích thước (2x1,72)m, trên bề mặt có thêu hoa văn nhiều màu sắc.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 30.000.000 đồng của bị cáo Q đã nộp theo biên lai số 0003223 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Truy thu số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Phạm T6 để sung công quỹ Nhà nước. Truy thu số tiền 3.600.000 đồng của bị cáo Dương Thị D1 để sung công quỹ Nhà nước.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam).

6. *Về án phí:* Căn cứ Điều 135, 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đào Thị H, Phạm Văn Q, Phạm Thị M1, Dương Thị D1, Nguyễn Văn N1, Trần Thị P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Q1, Dương Văn H6, Nguyễn Ngọc G1 và Nguyễn Văn H7, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 332 và 333- BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi Cục THADS huyện Lục Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh

